

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Văn Lam

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thắm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Ông
Tống Khánh Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 36/2021/QĐ-ST ngày 02/6/2021 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

Người yêu cầu thứ nhất: Chị Lê Thị L, sinh năm 1987

HKTT: Xóm V (trước đây xóm Nam Phong), xã H, huyện L, tỉnh Hà
Tĩnh

Người yêu cầu thứ hai: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984

HKTT: Xóm V (trước đây xóm Nam Phong), xã H, huyện L, tỉnh Hà
Tĩnh, hiện lao động tại Hàn Quốc.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Lê Thị L, bản tự khai, ý kiến anh Nguyễn Ngọc T về yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình trình có nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị L trình bày: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Ngọc T Đ ký kết hôn ngày 09/02/2011 tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì anh T đi xuất khẩu lao động, trong thời gian đầu anh T thường xuyên L lạc về nhà, đến năm 2019 thì ít L lạc, mỗi lần L lạc về chị L cảm nhận được sự thờ ơ, thiếu tình cảm vợ chồng, chị nhiều lần yêu cầu anh T về Việt Nam để vợ chồng sống chung, nuôi

dạy con cái nhưng anh không đồng ý. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, Vợ chồng lấy nhau năm 2011, năm 2016 anh T đi lao động ở nước ngoài đến nay, thực tế vợ chồng sống chung với nhau không được bao lâu, không ở gần nhau nên tình cảm càng nhạt phai.

Anh T trình bày: Thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn như chị L trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn năm 2016 anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu vợ chồng L lạc nhau thường xuyên, nhưng về sau do xa cách địa lý nên ít L lạc, không quan tâm nhau nhiều, mạnh ai người đó sống, từ đó tình cảm vợ chồng nhạt phai, tình yêu không còn.

Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Ngọc T đề nghị Toà án giải quyết cho anh, chị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung tên là Nguyễn Lê Hải Đ, sinh ngày 14/11/2011; Nguyễn Lê D, sinh ngày 06/4/2014; Nguyễn Lê Trúc C1, sinh ngày 07/6/2017. Chị L, anh T thoả thuận chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 3 con chung, vì hiện nay anh T đang ở nước ngoài nên chị L không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Chị L tự nguyện chịu.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên họp và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án và đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại Công văn số 711841/QLXNC-P5 ngày 18/5/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an, cung cấp thông tin anh Nguyễn Ngọc T đã xuất nhập cảnh 08 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 16/10/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Tại thời điểm thụ lý vụ việc, anh Nguyễn Ngọc T đang ở nước ngoài, theo đương sự trình bày hiện anh T lao động tự do tại Hàn Quốc, theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Anh Nguyễn Ngọc T có ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt, chị Lê Thị L có đơn xin vắng mặt trong phiên họp giải quyết việc hôn nhân và gia đình, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị L, anh T theo thủ tục chung.

[1.3] Theo Công văn số 253/TANDTC-PC, ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân, địa chỉ của anh Nguyễn Ngọc T thông qua bà Phan Thị C mẹ đẻ của anh T. Anh Nguyễn Ngọc T đã trực tiếp gọi điện về và Toà án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của anh T có sự chứng kiến của cán bộ tư pháp xã H, bà Phan Thị C. Tại bản tự khai và xin vắng mặt anh T gửi về cho bà Phan Thị C, bà C đã nộp cho Toà án, Anh Nguyễn Ngọc T đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với chị L, về con chung anh T đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng 3 con chung, anh không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung không yêu cầu Toà án giải quyết, nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Đồng thời anh T có ý kiến uỷ quyền cho anh trai là Nguyễn Ngọc Đoài và mẹ bà Phan Thị C giao nhận các tài liệu với Toà án.

Anh Nguyễn Ngọc T, chị Lê Thị L đã thống nhất với nhau về việc giải quyết T bộ vụ án. Căn cứ Điều 29, 48, 361 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án chuyên quan hệ pháp luật từ vụ án “Ly hôn” thành việc hôn nhân và gia đình “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Ngọc T Đ ký kết hôn ngày 09/02/2011 tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, hôn nhân tự nguyện. Việc kết hôn giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn Ngọc T thực hiện đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L, anh T sống hạnh phúc, đến năm 2016 anh T đi xuất khẩu lao động thì từ đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, vợ chồng xa cách, tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn tình yêu. Điều 19 Luật hôn nhân năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau C1a sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Tuy nhiên, giữa chị L, anh T không chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, vợ chồng không còn tình cảm.

Điều 55 luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc C1a tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án giải quyết việc ly hôn*”.

Xét thấy tình cảm giữa chị L, anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Lê Thị L và anh Nguyễn Ngọc T theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Quan hệ con chung: Vợ chồng có 3 con chung tên là Nguyễn Lê Hải Đ, sinh ngày 14/11/2011; Nguyễn Lê D, sinh ngày 06/4/2014; Nguyễn Lê Trúc

C1, sinh ngày 07/6/2017. Chị L, anh T thoả thuận chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 3 con chung và không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét thấy sự thoả thuận của anh T, chị L đảm bảo quyền lợi cho con theo quy định tại Điều 80,81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Lê Thị L, anh Nguyễn Ngọc T không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[2.4] Về nợ chung: Vợ chồng không vay mượn tài sản của ai, không ai vay mượn tài sản vợ chồng nên không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

[2.5] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị L tự nguyện chịu.

Xét thấy, sự thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị L, anh Nguyễn Ngọc T như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tại phiên họp là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 361, 367, 369, 370, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị L, sinh năm 1987, HKTT: Xóm V, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh và anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984, HKTT: Xóm V, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Về con chung công nhận sự thoả thuận của chị Lê Thị L, anh Nguyễn Ngọc T giao cháu Nguyễn Lê Hải Đ, sinh ngày 14/11/2011; Nguyễn Lê D, sinh ngày 06/4/2014; Nguyễn Lê Trúc C1, sinh ngày 07/6/2017 cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của Chị Lê Thị L nộp 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000173 ngày 10/5/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự ;
- UBND nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN - CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Bùi Văn Lam